



## LÝ LỊCH KHOA HỌC

| 1. Thông tin cá nhân   |  |
|--|--|
| Họ và tên  | <b>LÊ THỊ ANH VÂN</b>  |
| Ngày tháng năm sinh  | 08/09/1963   |
| Giới tính  | Nữ   |
| Nơi sinh   | Hà Nội   |
| Quê quán   | Hà Nội   |
| Địa chỉ liên lạc   | Số 103 Hàng Bạc - Hoàn Kiếm - Hà Nội                                 |
| Điện thoại cơ quan   |  |
| Điện thoại nhà riêng   | 02438265409  |
| Điện thoại di động   | 0913253737   |
| Email  | vanhangbac@yahoo.com   |
| Fax  |  |
| Học vị cao nhất  | Tiến sỹ  |
| Năm, nơi công nhận học vị  | 1993 , Đại học Kinh tế Quốc dân                                      |
| Chức danh khoa học   | PGS  |
| Năm phong chức danh khoa học                                     | 2003   |
| Chức vụ và đơn vị công tác<br>(hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu) | - Giảng viên, Khoa Khoa học Quản lý, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |

| 2. Trình độ học vấn    |             |                           |   |
|------------------------|-------------|---------------------------|---|
| 2.1. Quá trình đào tạo |             |                           |   |
| Năm tốt nghiệp         | Bậc đào tạo | Chuyên ngành đào tạo      | Cơ sở đào tạo                           |
| 1986                   | Đại học     | Kế hoạch hóa KTQD         | Đại học Kinh tế Kế hoạch                |
| 2004-2006              | Đại học     | Lý luận chính trị cao cấp | Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh |

|           |                        |                 |  |
|-----------|------------------------|-----------------|--|
| 2003-2006 | Đại học                | Tiếng Anh       | Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia- Hà Nội |
| 1993      | Tiến sỹ                | Quản lý kinh tế | Đại học KTQD                                 |
| 1997-1998 | Thực tập sinh khoa học | Kinh tế         | Canada                                       |

## 2.2. Tên luận án tiến sỹ:

## 2.3. Các khóa đào tạo ngắn hạn (nếu có)

| Thời gian | Nội dung đào tạo | Đơn vị đào tạo |
|-----------|------------------|----------------|
|           |                  |                |
|           |                  |                |
|           |                  |                |

## 2.3. Trình độ ngoại ngữ

| Ngoại ngữ | Trình độ, mức độ sử dụng |
|-----------|--------------------------|
| Tiếng Anh | Nghe, nói, đọc, viết tốt |
| Tiếng Nga | Nghe, nói, đọc, viết tốt |

## 3. Quá trình công tác

| Thời gian        | Nơi công tác                    | Công việc đảm nhiệm                 |
|------------------|---------------------------------|-------------------------------------|
| 3/1986 đến nay   | Trường đại học Kinh tế Quốc dân | Giảng viên                          |
| 2004 đến 03/2014 | Trường đại học Kinh tế Quốc dân | Phó Chủ nhiệm Khoa Khoa học Quản lý |
| 03/2014 đến nay  | Trường đại học Kinh tế Quốc dân | Giảng viên Khoa Khoa học Quản lý    |

## 4. Nghiên cứu khoa học

### 4.1. Lĩnh vực nghiên cứu

1. Quản lý Nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân.
2. Các vấn đề về quản lý, Kinh tế, Tài chính trong các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội.
3. Quản trị kinh doanh, Quản lý Kinh tế, Quản lý công

### 4.2. Các công trình khoa học đã công bố

#### 4.2.1. Sách giáo trình, sách chuyên khảo

| Năm xuất bản | Tên sách   | Mức độ tham gia (là chủ biên, là đồng tác giả, tham gia viết một phần) | Nơi xuất bản                   |
|--------------|--|--|--------------------------------|
| 1991         | Một số vấn đề lý luận & thực tiễn trong quản lý kinh doanh | Viết một phần  | NXB Khoa học - Kỹ thuật Hà Nội |

|             |   |                |                                |
|-------------|---|----------------|--------------------------------|
| 1992        | Nhà nước & vấn đề quản lý kinh tế - xã hội  | Viết một phần  | NXB Nông nghiệp                |
| 1994        | Lý thuyết quản trị kinh doanh (Tái xuất bản)  | Viết một phần  | NXB Khoa học - Kỹ thuật Hà Nội |
| 1998        | Chính sách trong quản lý kinh tế - xã hội   | Viết một phần  | NXB Khoa học - Kỹ thuật        |
| 1999        | Khoa học quản lý (Tập 1)  | Viết một phần  | NXB Khoa học - Kỹ thuật Hà Nội |
| 1999        | Quản lý Nhà nước về kinh tế (tái bản)   | Viết một phần  | NXB Khoa học - Kỹ thuật        |
| 2000        | Tâm lý học quản lý kinh tế (Đại học & Cao học)  | Đồng chủ biên  | NXB Khoa học - Kỹ thuật Hà Nội |
| 2000        | Quản lý kinh tế I   | Viết một phần  | NXB Khoa học - Kỹ thuật Hà Nội |
| 2001        | Quản lý học kinh tế quốc dân  | Viết một phần  | NXB Khoa học - Kỹ thuật Hà Nội |
| 2001        | Khoa học quản lý I  | Viết một phần  | NXB Khoa học - Kỹ thuật Hà Nội |
| 2001        | Chính sách Kinh tế - Xã hội   | Viết một phần  | NXB Khoa học - Kỹ thuật Hà Nội |
| 2002        | Khoa học quản lý II   | Viết một phần  | NXB Khoa học - Kỹ thuật Hà Nội |
| 2002        | Quản lý Nhà nước về kinh tế   | Viết một phần  | NXB Giáo dục                   |
| 2002        | Quản trị học  | Viết một phần  | NXB Tài chính                  |
| 2003        | Đổi mới chính sách nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế | Chủ biên       | NXB Lao động                   |
| 2010        | Chính sách kinh tế  | Viết 01 chương | NXB Khoa học - Kỹ thuật Hà Nội |
| 2011 - 2012 | Quản lý học   | Viết 02 chương | NXB Đại học Kinh tế Quốc dân   |
| 2018        | Chính sách kinh tế - xã hội (Chính sách công)   | Viết 01 chương | NXB Đại học Kinh tế Quốc dân   |
| 2018        | Công cụ quản lý kinh tế vĩ mô   | Viết 02 chương | NXB Đại học Quốc gia Hà nội    |
| 2019        | Quản lý giáo dục  | Viết 01 chương | Chưa xuất bản                  |
|             |   |                |                                |

#### **4.2.2. Các bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước**

| <i>Năm công bố</i> | <i>Tên bài báo</i>   | <i>Tên, số tạp chí công bố, trang tạp chí</i> | <i>Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả)</i> |
|--------------------|--|---|--|
| 2002               | Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu một số mặt hàng nông sản Việt Nam giai đoạn 2002-2010 | Kinh tế và phát triển                         | Tác giả  |

|   |  |  |  |
|---|--|--|--|
| 2002  | Hoạch định chính sách xuất khẩu - Kinh nghiệm của Châu Á   | Hoạt động khoa học; Bộ khoa học - công nghệ và môi trường 7/2002 | Tác giả  |
| 2002  | Kinh nghiệm của Trung Quốc trong lựa chọn chính sách thương mại trong môi trường toàn cầu hóa                  | Kinh tế và phát triển 11/2002                                    | Tác giả  |
| 2002  | Một số vấn đề về cơ chế tài chính trong mô hình công ty mẹ, công ty con  | Tài chính 12/2002  | Tác giả  |
| 2003  | Về các chính sách thúc đẩy xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong thời gian tới                                     | Kinh tế và phát triển 1/2003                                     | Tác giả  |
| 2003  | Một số giải pháp kinh tế tài chính thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta hiện nay                      | Nghiên cứu kinh tế 1/2003  | Tác giả  |
| 2003  | Phát triển khu vực kinh tế tư nhân - kinh nghiệm Trung Quốc và bài học cho Việt Nam                            | Kinh tế và phát triển 3/2003                                     | Tác giả  |
| 2010  | Huy động nguồn lực cho phát triển giao thông đường bộ ở Việt Nam   | Kinh tế và phát triển 7/2010                                     | Đồng tác giả                                     |
| 2011  | Vai trò của chỉ tiêu ngân sách nhà nước trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh Thái bình                      | Kinh tế và dự báo 5/2011   | Đồng tác giả                                     |
| 2011  | Một số ý kiến Quản lý nhà nước về đô thị Hà Nội  | Tạp chí Thương mại - Số 20 - 2011                                | Tác giả  |
| 2012  | Mô hình Công ty mẹ - Công ty con - Một mô hình nên áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam            | Tạp chí Kinh tế và Quản lý - Số 3 (9-2012)                       | Tác giả  |
| 2016  | Trợ giúp xã hội cho người tâm thần , rối nhiễu tâm trí trên địa bàn Hà Nội                                     | Tạp chí Kinh tế và Quản lý                                       | Tác giả  |
| 2019  | Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số | Kinh tế và phát triển 5/2019                                     | Tác giả  |
| 2019  | Trách nhiệm của doanh nghiệp trong thực hiện an sinh xã hội  | Tạp chí Kinh tế và Quản lý Tháng 5/2019                          | Tác giả  |
|   |  |  |  |
| <b>4.2.3. Các bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài</b> |  |  |  |
| <i>Năm công bố</i>  | <i>Tên bài báo</i>   | <i>Tên, số tạp chí công bố, trang tạp chí</i>                    | <i>Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả)</i> |
| 2017  | Social protection policy for   | International conference   | Đồng tác giả                                     |

|      |  |   |              |
|------|--|---|--------------|
|      | people with mental health problems in Vietnam - Situation and proposed solution  | proceedings 2017<br>ĐH KTQD                         |              |
| 2017 | Reviewing the latest national policies and services for people with severe mental health disorders in government-funded institutions in Vietnam, and policy recommendations for service improvements | Asia Pacific Journal of Social Work and Development | Đồng tác giả |
|      |  |   |              |

#### 4.2.4. Các báo cáo hội nghị, hội thảo trong nước

| <i>Thời gian hội thảo</i> | <i>Tên báo cáo khoa học</i>   | <i>Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả)</i> | <i>Địa điểm tổ chức hội thảo</i> |
|---------------------------|---|--|----------------------------------|
| 2006                      | Đệt may Việt Nam  | Tác giả  | Đại học KTQD                     |
| 2007                      | Chính sách cho thị trường Châu phi  | Tác giả  | Đại học KTQD                     |
| 2008                      | Giải pháp cho đào tạo từ xa ở Việt Nam  | Tác giả  | Viện Đại học mở Hà Nội           |
| 2016                      | Thực trạng đào tạo từ xa ở Việt Nam và khuyến nghị chính sách   | Tác giả  | Viện Đại học Mở Hà Nội           |
| 2017                      | Chất lượng đào tạo từ xa ở Việt Nam   | Tác giả  | Viện Đại học Mở Hà Nội           |
| 2018                      | Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại Việt nam trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0             | Đồng tác giả                                     | Đại học Hải Phòng                |
| 2018                      | Định hướng đổi mới cơ chế, chính sách hỗ trợ giảm nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số trong thời gian tới | Đồng tác giả                                     | Đại học KTQD                     |
|                           |   |  |                                  |

#### 4.2.5. Các báo cáo hội nghị, hội thảo quốc tế

| <i>Thời gian hội thảo</i> | <i>Tên báo cáo khoa học</i>  | <i>Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả)</i>     | <i>Địa điểm tổ chức hội thảo</i> |
|---------------------------|--|--|----------------------------------|
| 2017                      | Accessability to health care services by the poor people and Ethnic minorities in Viet Nam               | International conference proceedings 2017<br>ĐH KTQD | Đại học Kinh tế Quốc dân         |
| 2017                      | Human resouce development policy for marine and island economic industries in Ba ria - Vung tau province | International conference proceedings 2017<br>ĐH KTQD | Đại học Kinh tế Quốc dân         |
| 2019                      | The effect of human resource managemant and other factors to income differences in SOEs in               | International conference proceedings 2019            | Đại học Kinh tế Quốc dân         |

|   | Vietnam   | ĐH KTQD   |  |  |
|---|---|---|--|--|
| <b>4.3. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp</b> |   |   |  |  |
| <i>Thời gian thực hiện</i>  | <i>Tên chương trình, đề tài</i>   | <i>Cấp quản lý đề tài</i>                                 | <i>Trách nhiệm tham gia trong đề tài</i> | <i>Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu/chưa nghiệm thu)</i>                 |
| 2001  | Chính sách và giải pháp phát triển thị trường hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam thời kỳ 2001-2010, tầm nhìn 2020  | <b>Cấp Nhà nước</b><br>Mã số V3<br>Chủ nhiệm đề tài nhánh | Chủ nhiệm đề tài                         | Đã nghiệm thu đạt loại tốt   |
| 2003  | Những giải pháp cơ bản để thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu của Việt Nam sang các nước Châu Á trong điều kiện chủ động hội nhập kinh tế quốc tế | <b>Cấp Bộ</b><br>B2002-38-51                              | Chủ nhiệm đề tài                         | Đã nghiệm thu đạt loại tốt   |
| 2005  | Phân tích tác động của chỉ tiêu Ngân sách Nhà nước tới sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam   | <b>Cấp Bộ.</b><br>B.2005.38.12<br>2                       | Chủ nhiệm đề tài                         | Đã nghiệm thu đạt loại tốt   |
| 2007  | Hoàn thiện cơ chế quản lý đối với đất công giao cho đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn Hà Nội   | <b>Cấp Bộ</b><br>B.2006-06-41                             | Chủ nhiệm đề tài                         | Đã nghiệm thu đạt loại tốt   |
| 2009  | Quản lý Nhà nước về sử dụng phí đường bộ ở Việt Nam   | <b>Cấp Bộ.</b><br>B.2009.06.12<br>4                       | Chủ nhiệm đề tài                         | Đã nghiệm thu đạt loại tốt   |
| 2013-2014   | Chính sách thu hút và sử dụng nhân tài trong nền hành chính Nhà nước của thành phố Hà nội   | <b>Cấp Trường</b>   | Chủ nhiệm đề tài                         | Đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc  |
| 2016-2017   | Hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội cho người tâm thần và rối nhiễu tâm trí ở Việt Nam  | <b>Cấp Trường</b><br>Mã số:<br>KTQD/V201<br>6.67          | Chủ nhiệm đề tài                         | Đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc  |
| 2016 - 2020   | Thực trạng quan hệ thương mại Việt Nam - Nhật Bản   | <b>Cấp Nhà nước</b><br>Mã số:<br>KX.01.13/16-<br>20       | Chủ nhiệm đề tài                         | Đang thực hiện - Đề tài nhánh của Đề tài cấp Nhà nước                    |
| 2017-2020   | Thực trạng tăng trưởng hài hòa trong các ngành thâm dụng lao động ở Việt Nam  | <b>Cấp Quốc gia</b><br>ĐTĐL.XH.0<br>8/15                  | Chủ nhiệm đề tài                         | Đang thực hiện - Đề tài nhánh 10 thuộc đề tài KH&CN độc lập cấp Quốc gia |

|             |   |   |            |                                 |
|-------------|---|---|------------|---------------------------------|
| 03 năm      | Đổi mới và hoàn thiện quản lý Nhà nước về hoạt động Thương mại trên thị trường nội địa giai đoạn đến năm 2010                     | Cấp Nhà nước                            | Thành viên | Đạt loại tốt                    |
| 2005 - 2008 | Giải pháp phát triển quan hệ thương mại Việt Nam - Châu Phi   | Cấp Nhà nước<br>ĐTĐL-2005/18G           | Thành viên | Đạt loại tốt                    |
| 2005        | Giải pháp giảm thiểu rủi ro kinh doanh cho các doanh nghiệp Hà Nội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế                       | Cấp Bộ<br>01X-07/04-2005                | Thành viên | Đạt loại tốt                    |
| 2005        | Các giải pháp chủ yếu hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong đào tạo cử nhân ngành kinh tế                            | Cấp Bộ                                  | Thành viên | Đạt loại tốt                    |
| 2006        | Những giải pháp giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh cho các doanh nghiệp Hà Nội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế           | Cấp Bộ                                  | Thành viên | Đạt loại tốt                    |
| 2010        | Nhà ở sinh viên - Thực trạng và giải pháp   | Cấp Bộ                                  | Thành viên | Đạt loại tốt                    |
| 2012-2013   | Vốn hóa đất đai ở Việt Nam  | Cấp Bộ<br>B12-14                        | Thành viên | Đạt loại tốt                    |
| 2012-2013   | Chính sách an sinh xã hội và thực hiện chính sách an sinh xã hội ở nước ta  | Cấp Bộ                                  | Thành viên | Đã nghiệm thu đạt loại xuất sắc |
| 2014-2015   | Tác động của các đặc điểm cơ sở sản xuất rau và đặc điểm thị trường hoạt động tới việc áp dụng tiêu chuẩn VietGAP ở Việt Nam      | Cấp Trường                              | Thành viên | Đã nghiệm thu đạt loại tốt      |
| 2017-2020   | Đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân vùng dân tộc thiểu số trong thời kỳ Đổi mới   | <b>Cấp Nhà nước</b><br>CTDT.19.17/16-20 | Thành viên | Đang thực hiện                  |
| 2017-2020   | Đánh giá hiệu quả và tác động của chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc từ Đổi mới đến nay           | <b>Cấp Nhà nước</b><br>CTDT.26.17/16-20 | Thành viên | Đang thực hiện                  |
| 2017        | Tác động của chính sách hỗ trợ của Nhà nước tới việc áp dụng thực hành nông nghiệp tốt của các cơ sở sản xuất trái cây ở Việt Nam | <b>Cấp trường</b><br>KTQD/V2017.65      | Thành viên | Đang thực hiện                  |
|             |   |   |            |                                 |

| <b>4.4. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước</b> |  |  |                          |                          |
|--|--|--|--------------------------|--------------------------|
| <i>Năm</i>   | <i>Hình thức và nội dung giải thưởng</i>   | <i>Tổ chức trao tặng</i>                   |                          |                          |
| 2008   | Giải thưởng hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học ( <i>Giải nhất cấp trường và Giải 3 cấp Bộ</i> )   |  |                          |                          |
|  |  |  |                          |                          |
|  |  |  |                          |                          |
| <b>4.5. Kinh nghiệm hướng dẫn NCS</b>                              |  |  |                          |                          |
| <i>Họ tên NCS</i>  | <i>Đề tài luận án</i>  | <i>Cơ sở đào tạo</i>                       | <i>Thời gian đào tạo</i> | <i>Vai trò hướng dẫn</i> |
| Hoàng Mạnh Dũng  | Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo Sau đại học tại Việt Nam   | Đại học KTQD                               | 2002                     | HD.2                     |
| Nguyễn Thế Vinh  | Hoàn thiện quản lý nhà nước về đất đai của chính quyền quận Tây Hồ   | Đại học KTQD                               | 2005-2008                | HD.1                     |
| Phan Huy Lê  | Quản lý nhà nước về thu và sử dụng phí đường bộ ở Việt Nam   | Đại học KTQD                               | 2008-2010                | HD.1                     |
| Phạm Thùy Giang  | Nghiên cứu so sánh chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ giữa ngân hàng 100% vốn nước ngoài và ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam                   | Đại học KTQD                               | 2008-2010                | HD.2                     |
| Ngô Sỹ Trung   | Chính sách nhân lực chất lượng cao trong các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh của thành phố Đà Nẵng  | Đại học KTQD                               | 2010-2013                | HD.1                     |
| Nguyễn Văn Hồi   | Chính sách trợ giúp xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần tại Việt Nam   | Đại học KTQD                               | 2014-2017                | HD.1                     |
| Lê Thanh Sơn   | Chính sách phát triển kinh tế biển và hải đảo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu   | Viện nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương | 2012-2016                | HD.1                     |
| Phạm Thị Thơm  | Phân tích một số nhân tố tác động đến chất lượng giáo dục đại học hệ vừa làm vừa học trong khối ngành kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh ở Việt Nam | Đại học KTQD                               | 2012-2017                | HD.1                     |
| Hà Thị Thanh Hoa   | Chính sách nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam  | Viện nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương | 2016-2018                | HD.2                     |
| Bùi Kiên Trung   | Mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ đào tạo với sự hài lòng và mức độ trung thành của sinh viên trong đào tạo từ xa E-Learning                           | Đại học KTQD                               | 2015-2016                | HD.2                     |
| Nguyễn Danh Tuấn   | Quản lý nhà nước về xuất khẩu lao động Việt Nam sang các nền kinh tế   | Học viện Khoa học xã                       | 2015-2017                | HD.1                     |



|                      |  |              |           |       |
|----------------------|--|--------------|-----------|-------|
|                      | Đông Bắc Á   | hội          |           |       |
| Dương Thị Thúy Hương | Chính sách đảm bảo dịch vụ y tế cơ bản cho người dân tộc thiểu số khu vực Trung du miền núi phía Bắc | Đại học KTQD | 2017-2020 | HD.1  |
| Lương Tuấn Phương    | Quản lý nhà nước trong ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam   | Đại học KTQD | 2018-2021 | HD. 1 |
|                      |  |              |           |       |

#### 4.6. Những thông tin khác về nghiên cứu khoa học

Tham gia các tổ chức, hiệp hội ngành nghề; thành viên ban biên tập các tạp chí khoa học trong và ngoài nước; thành viên các hội đồng quốc gia, quốc tế...

| Tên tổ chức | Vai trò tham gia |
|-------------|------------------|
|             |                  |
|             |                  |
|             |                  |

#### 5. Các đề tài nghiên cứu khoa học (liên quan đến ngành đăng ký đào tạo) do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

| STT | Tên đề tài | Cấp quyết định, mã số | Số QĐ, ngày QĐ |
|-----|------------|-----------------------|----------------|
|     |            |                       |                |
|     |            |                       |                |
|     |            |                       |                |
|     |            |                       |                |
|     |            |                       |                |
|     |            |                       |                |
|     |            |                       |                |

#### 6. Các hướng NC, lĩnh vực hoặc đề tài NC nhận NCS trong năm học 200... - 200... và số lượng NCS tiếp nhận

| STT | Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận NCS | Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS | Số lượng NCS có thể nhận |
|-----|---|---|--------------------------|
|     |   |   |                          |
|     |   |   |                          |
|     |   |   |                          |
|     |   |   |                          |
|     |   |   |                          |

#### 7. Các công trình công bố của cán bộ khoa học thuộc khoa học đơn vị chuyên môn trong 5 năm trở lại đây

| STT | Tên công trình | Tên tác giả | Nguồn công bố |
|-----|----------------|-------------|---------------|
|     |                |             |               |
|     |                |             |               |
|     |                |             |               |

| <b>8. Các hội nghị hội thảo khoa học chuyên ngành đã tổ chức từ khi bắt đầu đào tạo tiến sĩ</b> |                               |  |                         |                                      |
|---|-------------------------------|--|-------------------------|--------------------------------------|
| <i>STT</i>  | <i>Tên hội nghị, hội thảo</i> | <i>Số lượng đại biểu/đại biểu nước ngoài</i> | <i>Số lượng báo cáo</i> | <i>Đại điểm và thời gian tổ chức</i> |
|   |                               |  |                         |                                      |
|   |                               |  |                         |                                      |
|   |                               |  |                         |                                      |
|   |                               |  |                         |                                      |

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN**  
**TRƯỞNG KHOA KHOA HỌC QUẢN LÝ**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2019*  
**NGƯỜI KHAI**

**PGS. TS. ĐỖ THỊ HẢI HÀ**

**TS. LÊ THỊ ANH VÂN**